

CHUẨN NGHÈO VÀ THƯỚC ĐO NGHÈO Ở MỘT SỐ QUỐC GIA

Nguyễn Văn Phẩm
Vụ Hợp tác Quốc tế

Các quốc gia khác nhau sử dụng các tiêu chuẩn khác nhau để đánh giá mức độ giàu nghèo. Nước Mỹ áp dụng mức chuẩn từ những năm 60 của thế kỷ trước, cụ thể, thu nhập 18.600 đô la/năm là ngưỡng nghèo đối với các gia đình có bốn người (gồm bố mẹ và hai con), và thu nhập 9.573 đô la/năm là ngưỡng nghèo đối với người độc thân trong độ tuổi lao động. Theo chuẩn này thì năm 1993 nước Mỹ có 15,1 % dân số nghèo khổ, năm 2000 tỷ lệ đó giảm xuống còn 11,3%, nhưng tới năm 2003 thì tỷ lệ người nghèo của nước Mỹ tăng lên 12,5% (tức là khoảng 35,9 triệu người dân Mỹ sống trong tình trạng nghèo đói).

Ma-lai-xi-a sử dụng tiêu chuẩn 9.910 ca-lo một ngày tính trên một gia đình có hai người lớn và ba trẻ em để làm đường nghèo. Ấn Độ áp dụng ngưỡng nghèo với chuẩn mực tiêu thụ bình quân đầu người hàng ngày 2.400 ca-lo đối với vùng nông thôn và 2.100 ca-lo đối với vùng đô thị. Pa-ki-xtan lấy đường nghèo là tiêu thụ 2.350 ca-lo bình quân một người lớn qui ước hàng ngày. Phi-lip-pin lại lấy ngưỡng nghèo ở mức 2.000 ca-lo. Tương tự, Xri Lan-ca: 2.500 ca-lo; Nê-pan: 2.124 ca-lo; Thái Lan: 2.099 ca-lo;

Bang-la-đet: 2.122 ca-lo; A-dec-bai-gian: 2.200 ca-lo; một số quốc gia khác lại sử dụng ngưỡng nghèo là tiêu thụ một ngày 2.100 ca-lo một người, như Lào, Cam-pu-chia, Trung Quốc, In-đô-nê-xi-a,... Ngay trong một quốc gia mà người ta cũng sử dụng các tiêu chuẩn nghèo khác nhau, ví dụ ở Xri Lan-ca, các nhà nghiên cứu không phải lúc nào cũng lấy 2.500 ca-lo làm ngưỡng nghèo.

Việt Nam cũng không nằm ngoài tình trạng ấy, vẫn còn tình trạng thiếu thốn nhất về tiêu chuẩn nghèo đối quốc gia. Năm 2000, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội đưa ra ngưỡng nghèo mới làm căn cứ xác định mục tiêu xoá đói giảm nghèo cho giai đoạn 2001 - 2005. Ngưỡng nghèo đó được ấn định cho từng khu vực: nông thôn miền núi, hải đảo: 80.000 đồng/người/tháng; nông thôn đồng bằng: 100.000 đồng/người/tháng; thành thị: 150.000 đồng. Tiêu chuẩn được Tổng cục Thống kê sử dụng trong các cuộc điều tra mức sống dân cư là mức tiêu thụ 2.100 ca-lo/ngày/người giống như một số quốc gia khu vực.

Dưới đây là chuẩn mực nghèo của một số nước:

Quốc gia	Đơn vị tính	Chuẩn nghèo	
		Thu nhập	Chi tiêu
Đông Á Trung Quốc	Nhân dân tệ/năm	625,00	
Đông Nam Á Cam-pu-chia	Riêng/ngày		1.837,00
Lào	Kip/tháng		20.911,00
Phi-lip-pin	Pê-sô/năm	11.605,00	

Quốc gia	Đơn vị tính	Chuẩn nghèo	
		Thu nhập	Chi tiêu
Thái Lan	Bạt/tháng		882,00
Việt Nam	Nghìn đồng/năm		1.790,00
Nam Á			
Ấn Độ			
Thành thị	Ru-pi Ấn Độ/tháng		454,11
Nông thôn	Ru-pi Ấn Độ/tháng		327,56
Nê-pan	Ru-pi Nê Pan/năm		4.404,00
Pa-ki-xtan	Ru-pi Pa-ki-xtan/tháng		748,56
Xri Lan-ca	Ru-pi Xri Lan-ca/tháng		791,67
Trung Á			
A-déc-bai-gian	Nghìn Ma-nat/năm		120,00
Ca-dắc-xtan	Ten-gê/tháng		4.007,00
Cư-rơ-gư-xtan	Sôm/năm		7.005,63
Thái Bình Dương			
Phi-ji	Đô la/tuần		83,00
Mic-rô-nê-xi-a	Đô la Mỹ/năm		767,58
Xa-moa	Ta-la/tuần		37,49
Tôn-ga	Pan-ga/năm		8.061,00
Tu-va-lu	Đô la Úc/tuần	84,24	

Hậu quả của việc sử dụng các tiêu chuẩn khác nhau ấy giữa các quốc gia làm ngưỡng nghèo đã gây ra những khó khăn lớn cho việc so sánh quốc tế. Ngay cả việc so sánh động thái theo thời gian về tình trạng nghèo của một quốc gia cũng thiếu chính xác. Ví dụ nước Mỹ dùng mức chuẩn của gần nửa thế kỷ trước, khi mà mẫu tiêu dùng của dân cư khác hẳn với ngày nay, để phản ánh tình trạng nghèo đối hiện nay là không phù hợp. Nửa thế kỷ trước, người dân Mỹ chi gần một phần ba thu nhập cho ăn uống, nhưng ngày nay họ chỉ chi 13,2% thu nhập cho lương thực và chi một phần ba thu nhập cho nhà ở. Việc sử dụng tiêu thức tỷ lệ dân số sống dưới mức nghèo và tỷ lệ hộ gia đình nghèo cũng không đồng nhất, vì số lượng thành viên trong gia đình rất khác

nhau. Tỷ lệ hộ nghèo thấp, nhưng nếu đó lại là các hộ đông người, thì khi chuyển sang tỷ lệ dân số nghèo chưa chắc đã thấp.

Để đảm bảo tính so sánh quốc tế của chỉ tiêu tỷ lệ dân số sống dưới mức nghèo, Ngân hàng Thế giới đưa ra 2 mức chuẩn là thu nhập dưới 1 đô la Mỹ 1 ngày và thu nhập dưới 2 đô la Mỹ 1 ngày được chuyển đổi theo sức mua tương đương (PPP - Purchasing Power Parity) của đô la Mỹ năm 1993, có nghĩa là tương đương với mức 1,08 USD/ ngày/ người và mức 2,16 USD/ ngày/ người của năm 2002. Trên cơ sở đó, Ngân hàng Phát triển Châu Á đã đưa ra các con số về tỷ lệ nghèo của một số nước như sau:

TỶ LỆ DÂN SỐ SỐNG DƯỚI MỨC NGHÈO CỦA MỘT SỐ NƯỚC (%)

Quốc gia	Năm	Theo chuẩn nghèo quốc gia	Theo chuẩn nghèo quốc tế	
			1 USD/ngày	2 USD/ngày
Đông Á				
Trung Quốc	2001		16,6	46,7
Mông Cổ	1998	35,6	27,0	74,9
Đông Nam Á				
Cam-pu-chia	1999	35,9	34,1	37,7
In-đô-nê-xi-a	2002	18,2	7,5	52,4
Lào	1997	38,6	39,0	81,7
Ma-lai-xi-a	1999	7,5	0,2	9,3
Mi-an-ma	1997	22,9		
Phi-lip-pin	2000	34,0	15,5	47,5
Thái Lan	2002	9,8	1,9	32,5
Việt Nam	2002	28,9	13,1	58,5
Nam Á				
Bang-la-đét	2000	49,8	36,0	82,8
Ấn Độ	1999	26,1	36,0	81,3
Man-đi-vơ	1998	43,0	0,1	2,9
Nê-pan	1996	42,0	39,1	80,9
Pa-ki-xtan	1999	32,6	25,3	77,2
Xri Lan-ca	1995	25,2	6,6	45,4
Trung Á				
A-déc-bai-gian	2001	49,6	3,7	33,4
Ca-dắc-xtan	2002	27,9	0,1	8,5
Cư-rơ-gư-xtan	2000	52,0	0,9	27,2
Ta-gi-ki-xtan	2003	56,6	13,9	58,7
Tuốc-mê-ni-xtan	1998	29,9	12,1	44,0
U-dơ-bê-ki-xtan	2000	27,5	17,3	71,7
Thái Bình Dương				
Mic-rô-nê-xi-a	1998	27,9	5,2	19,7
Pa-pua Niu Ghi-nê	1996	37,5	24,6	54,4
Xa-moa	2002	20,3	5,5	
Tôn-ga	2001	22,7	4,0	12,6